**GV: Nguyễn Thị Thu Lan**

**Email: nguyenlan0579@gmail.com**

**BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6**

Thời gian làm bài: 90 phút

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | 1. Truyện đồng thoại | **Nhận biết:**  **-** Nhận biết được chi tiết tiêu biểu, nhân vật, đề tài, cốt truyện, lời người kể chuyện và lời nhân vật.  - Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba.  - Nhận ra từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy); từ đa nghĩa và từ đồng âm, các thành phần của câu.  **Thông hiểu:**  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Nêu được chủ đề của văn bản.  - Phân tích được tình cảm, thái độ của người kể chuyện thể hiện qua ngôn ngữ, giọng điệu.  - Hiểu và phân tích được tác dụng của việc lựa chọn ngôi kể, cách kể chuyện.  - Phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật.  - Giải thích được nghĩa thành ngữ thông dụng, yếu tố Hán Việt thông dụng; nêu được tác dụng của các biện pháp tu từ (ẩn dụ, hoán dụ), công dụng của dấu chấm phẩy, dấu ngoặc kép được sử dụng trong văn bản.  **Vận dụng**:  - Trình bày được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra.  - Chỉ ra được điểm giống nhau và khác nhau giữa hai nhân vật trong hai văn bản. | 6TN | 2 TN  1TL | 1TL |  |
|  |  | 2. Thơ và thơ lục bát | **Nhận biết:**  - Nêu được ấn tượng chung về văn bản.  **-** Nhận biết được số tiếng, số dòng, vần, nhịp của bài thơ lục bát.  - Nhận diện được các yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ.  - Chỉ ra được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.  - Nhận ra từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy); từ đa nghĩa và từ đồng âm; các biện pháp tu từ ẩn dụ và hoán dụ.  **Thông hiểu**:  - Nêu được chủ đề của bài thơ, cảm xúc chủ đạo của nhân vật trữ tình trong bài thơ.  - Nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.  - Chỉ ra tác dụng của các yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ.  **Vận dụng:**  - Trình bày được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử được gợi ra từ văn bản.  - Đánh giá được giá trị của các yếu tố vần, nhịp |  |  |  |  |
| **2** | **Viết** | 1. Kể lại một trải nghiệm của bản thân. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân; sử dụng ngôi kể thứ nhất để chia sẻ trải nghiệm, trình bày các sự viecj theo trình tự hợp lí, kết hợp kể và tả, và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể, nêu được ý nghĩa của trải nghiệm. | ¼ TL | ¼ TL | ¼ TL | ¼ TL |
|  |  | 2. Tả cảnh sinh hoạt | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn tả cảnh sinh hoạt. Sử dụng ngôi phù hợp; tái hiện được chân thực, sinh động khung cảnh và nêu được những thông tin chính về ý nghĩa của cảnh sinh hoạt. |  |  |  |  |
| **Tổng** | | |  | **6 TN**  **¼ TL** | **2TN**  **1 + ¼ TL** | **1 + ¼ TL** | **¼ TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***40*** | ***30*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **70** | | **30** | |

**Ma trận đề kiểm tra học kì 1**

**Môn Ngữ văn 6 - Năm học 2023-2024**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
|  |  |  | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |  |
|  |  |  | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| **1** | **Đọc hiểu** | - Truyện đồng thoại | **6** | **0** | **2** | **1** | **0** | **1** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Kể lại một truyện dân gian | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***3*** | ***1*** | ***1*** | ***2*** | ***0*** | ***2*** | ***0*** | ***1*** | **10** |
| **Tỉ lệ %** | | | **40%** | | **30%** | | **20%** | | **10%** | |  |
| **Tỉ lệ chung** | | | **70%** | | | | **30%** | | | |  |

**UBND HUYỆN VĂN LÂM ĐỀ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG CUỐI HỌC KÌ I**

**PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO Năm học 2023- 2024**

**MÔN: NGỮ VĂN 6**

***Thời gian làm bài 90 phút (không kể thời gian giao đề)***

**Phần I. Đọc - hiểu (6.0 điểm)**

**Đọc kĩ đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**

*“Gió bấc thổi ào ào qua khu rừng vắng. Những cành cây khẳng khiu chốc chốc run lên bần bật. Mưa phùn lất phất… Bên gốc đa, một chú Thỏ bước ra, tay cầm một tấm vải dệt bằng rong. Thỏ tìm cách quấn tấm vải lên người cho đỡ rét, nhưng tấm vải bị gió lật tung, bay đi vun vút. Thỏ đuổi theo. tấm vải rơi tròng trành trên ao nước. Thỏ vừa đặt chân xuống nước đã vội co lên. Thỏ cố khều nhưng đưa chân không tới. Một chú Nhím vừa đi đến. Thỏ thấy Nhím liền nói:*

*- Tôi đánh rơi tấm vải khoác!*

*- Thế thì gay go đấy! Trời rét, không có áo khoác thì chịu sao được.*

*Nhím nhặt chiếc que khều… Tấm vải dạt vào bờ. Nhím nhặt lên, giũ nước, quấn lên người Thỏ:*

*- Phải may thành một chiếc áo, có thế mới kín được.*

*- Tôi đã hỏi rồi. Ở đây chẳng có ai may vá gì được.*

*Nhím ra dáng nghĩ:*

*- Ừ! Muốn may áo phải có kim. Tôi thiếu gì kim.*

*Nói xong, Nhím xù lông. Quả nhiên vô số những chiếc kim trên mình Nhím dựng lên nhọn hoắt. Nhím rút một chiếc lông nhọn, cởi tấm vải trên mình Thỏ để may.*

(Trích “Những chiếc áo ấm”, Võ Quảng)

**Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước đáp án đúng để trả lời cho các câu hỏi từ câu 1 đến câu 8.**

**Câu 1:**Đoạn trích trên thuộc thể loại

A. truyện cổ tích. B. truyện đồng thoại.  
C. truyện truyền thuyết. D. truyện ngắn.

**Câu 2:**Ai là người kể chuyện trong đoạn trích trên?

A. Người kể chuyện giấu mình. B. Nhím.  
C. Thỏ. D. Nhím và Thỏ.

**Câu 3:**Nhận xét nào nêu đúng đặc điểm của nhân vật trong đoạn trích trên?

A. Nhân vật là loài vật, đồ vật được nhân hóa.  
B. Nhân vật là loài vật, đồ vật có liên quan đến lịch sử.  
C. Nhân vật là loài vật, đồ vật có những đặc điểm kì lạ.  
D. Nhân vật là loài vật, đồ vật gắn bó thân thiết với con người.

**Câu 4:**Từ “tròng trành” trong câu “Tấm vải rơi tròng trành trên ao nước.” có nghĩa là gì?

A. Quay tròn, không giữ được thăng bằng.  
B. Ở trạng thái nghiêng qua nghiêng lại.  
C. Ở trạng thái quay tròn, nghiêng qua nghiêng lại.

D. Ở trạng thái nghiêng qua nghiêng lại, không giữ được thăng bằng.

**Câu 5:** Thỏ đã gặp sự cố gì trong đoạn trích trên?

A. Bị ngã khi cố với một chiếc khăn.

B. Tấm vải của Thỏ bị gió cuốn đi, rơi trên ao nước.  
C. Bị thương khi cố khều tấm vải mắc trên cây.  
D. Đi lạc vào một nơi đáng sợ.

**Câu 6:**Có bao nhiêu từ láy trong đoạn văn sau?

“Gió bấc thổi ào ào qua khu rừng vắng. Những cành cây khẳng khiu chốc chốc run lên bần bật. Mưa phùn lất phất… Bên gốc đa, một chú Thỏ bước ra, tay cầm một tấm vải dệt bằng rong. Thỏ tìm cách quấn tấm vải lên người cho đỡ rét, nhưng tấm vải bị gió lật tung, bay đi vun vút.”

A. Bốn từ. B. Năm từ. C. Sáu từ. D. Bảy từ.

**Câu 7:**Từ ghép trong câu văn “Nhím rút một chiếc lông nhọn, cởi tấm vải trên mình Thỏ để may” là những từ nào?

A. Nhím rút, tấm vải.  
B. Một chiếc, để may.  
C. Chiếc lông, tấm vải.  
D. Lông nhọn, trên mình.

**Câu 8:** Câu nói “Thế thì gay go đấy! Trời rét, không có áo khoác thì chịu sao được?” thể hiện thái độ gì của Nhím đối với Thỏ? Điền từ thích hợp vào câu sau:

*Nhím …………… cho Thỏ*.

A. Lo sợ. B. Lo ngại. C. Lo âu D. Lo lắng.

**Câu 9** (1.0 điểm): Nhận xét cấu tạo và nêu tác dụng của vị ngữ trong câu văn sau:

*“Nhím nhặt lên, giũ nước, quấn lên người Thỏ.”*

**Câu 10**(1.0 điểm): Từ hành động của các nhân vật trong đoạn trích, em rút ra được những bài học đáng quý nào? (Viết thành một đoạn văn từ 5 – 7 câu).

**Phần II. Viết (4.0 điểm)**

Viết bài văn (khoảng 400 chữ) kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân.

**ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM**

**Phần I. Đọc - hiểu (6.0 điểm)**

(Từ câu 1 – 8, 0,5đ/ câu đúng).

1B, 2A, 3A, 4D, 5B, 6C, 7C, 8D.

Câu 9. 1đ

- VN gồm 3 CĐT.

- TD: VN gồm nhiều CĐT diễn tả rõ ràng, cụ thể hơn những hành động của Nhím dành cho bạn.

Câu 10. 1đ

Bài học:

- Biết yêu thương, quan tâm, giúp đỡ người khác, nhất là những người gặp khó khăn, hoạn nạn.

- Có sáng tạo.

**Phần II. Viết (4.0 điểm)**

1/ Hình thức: 1đ

- Đúng kiểu bài tự sự: kể lại một trải nghiệm của bản thân.

- Ngôi kể: 1

- Bố cục: 3 phần

- Diễn đạt mạch lạc, đúng chính tả, ngữ pháp.

- Lời văn trong sáng, giàu cảm xúc.

2/ Nội dung: 3đ

a. MB: 0,25 đ

- Dùng ngôi thứ nhất.

- Giới thiệu sơ lược trải nghiệm (xảy ra từ khi nào, vì sao đáng nhớ?)

- Dẫn dắt, chuyển ý, gợi sự tò mò, hấp dẫn.

b. TB: 2,5 đ

- Trình bày chi tiết về hoàn cảnh, thời gian, không gian xảy ra câu chuyện.

- Trình bày chi tiết về các nhân vật liên quan.

- Trình bày chi tiết các sự việc xảy ra từ lúc mở dầu, diễn biến đến khi kết thúc.

- Trình bày các sự việc theo trình tự hợp lí, rõ ràng; sự việc này nối tiếp sự việc kia.

-Kết hợp kể và tả.

c. KB: 0,25 đ

Nêu ý nghĩa của trải nghiệm đối với bản thân.

- **Bài viết 3 ⭢ 4 điểm**: Đủ 3 phần, đủ ý, có cách dẫn dắt MB, KB độc đáo, sáng tạo. Diễn đạt lưu loát, trình bày sạch sẽ, chữ viết cẩn thận, sáng sủa. Đảm bảo nội dung cốt truyện (các sự việc chính)

- **Bài viết 2⭢ dưới 3 điểm**: Đủ 3 phần, đủ ý, dẫn dắt tự nhiên. Đảm bảo nội dung cốt truyện (các sự việc chính)

(Có thể mắc 1 số lỗi chính tả, lỗi dùng từ đặt câu).

- **Bài viết 1⭢ dưới 2 điểm**: Đủ 3 phần, đủ ý nhưng còn bỏ sót một số sự việc hoặc kể còn lan man.

- **Bài viết đạt 0⭢ dưới 1 điểm**: Bài viết mắc nhiều lỗi về kĩ năng, về nội dung.

***Lưu ý:*** *HS có thể linh hoạt dùng cách kể mới để sáng tạo theo nhiều cách khác nhau. Có thể tưởng tượng thêm những chi tiết cụ thể cho từng sự việc cụ thể miễn là hợp lí. Giám khảo cần linh hoạt, trân trọng sự sáng tạo của HS.*